

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**LÊ THỊ TUYẾT HÀ**

**TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ DO VI PHẠM  
HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM  
HIỆN NAY**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 62 38 01 07**

**TOM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2016**

Công trình được hoàn thành tại:

**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

*Người hướng dẫn khoa học:* **TS. PHẠM KIM ANH**

**TS. NGUYỄN THỊ KIM VINH**

Phản biện 1: GS.TS. Nguyễn Thị Mơ

Phản biện 2: PGS.TS. Lê Thị Thu Thủy

Phản biện 3: TS. Phạm Sỹ Chung

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án  
tiến sỹ họp tại Học viện Khoa học xã hội

hội ... giờ ... ngày... tháng .... năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Học viện khoa học xã hội.
- Thư viện Quốc gia Việt Nam

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động phòng ngừa vi phạm hợp đồng nhằm bảo đảm trật tự, công bằng trong quan hệ hợp đồng là yêu cầu cần thiết để xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh nhằm thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam ngày càng phát triển theo xu hướng hội nhập quốc tế. Trong những năm vừa qua, vi phạm hợp đồng thương mại có xu hướng gia tăng nhanh chóng, đặc biệt xuất hiện những vi phạm nghiêm trọng có giá trị kinh tế cao. Theo số liệu thống kê những vụ vi phạm HĐTM do tòa án Việt Nam thụ lý giải quyết tại cấp sơ thẩm từ năm 2006 đến năm 2014 là 86601 vụ án[207, tr.19]. Chứng tỏ rằng, một phần là do việc nhận thức, quy định và thực thi về chế độ trách nhiệm do vi phạm HĐTM chưa hợp lý.

Để ngăn chặn vi phạm HĐTM, chúng ta có thể đề cao đạo đức, nâng cao ý thức, tuyên truyền phổ biến pháp luật cho các chủ thể kinh doanh. Trong đó, xác định và áp dụng đúng trách nhiệm trong thương mại là biện pháp pháp luật đặc biệt, góp phần trong việc ngăn chặn hiệu quả các hành vi vi phạm. Luật Thương mại 2005 (LTM 2005) đã quy định khá cụ thể. Tuy nhiên, một số quy định về trách nhiệm do vi phạm HĐTM vẫn còn bộc lộ một số bất cập gây khó khăn trong công tác áp dụng pháp luật có liên quan. Vì vậy, vấn đề này cần tiếp tục nghiên cứu để đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những bất cập này. So sánh LTM 2005 của Việt Nam với Bộ nguyên tắc về hợp đồng mua bán quốc tế giữa các nước châu Âu (PICC), Công ước Viên (CUIV) và văn bản pháp luật của một số quốc gia (Mỹ, Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản, Anh, Nga, ...) còn nhiều điểm

chưa tương đồng. Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu rộng như hiện nay đòi hỏi phải cần sửa đổi vấn đề này theo xu hướng tiếp thu có chọn lọc những điểm tiến bộ của các văn bản pháp luật của quốc tế.

Về lý luận, nhiều công trình trong và ngoài nước nghiên cứu về trách nhiệm do vi phạm HĐTM, các tác giả đã có một số ý kiến tương đồng về mặt lý luận nhưng vẫn còn nhiều điểm chưa thống nhất với nhau. Từ những lý do trên tác giả lựa chọn đề tài “*Trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại ở Việt Nam hiện nay*” làm luận án tiến sỹ luật học.

## **2. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ của đề tài**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Tác giả nghiên cứu đề tài trên quan điểm kế thừa, tiếp thu có chọn lọc các vấn đề về lý luận, quy định pháp luật, tiếp tục sửa đổi quy định chưa phù hợp nhằm áp dụng biện pháp trách nhiệm phù hợp khi có hành vi vi phạm hoặc giảm thiểu tình trạng vi phạm HĐTM. Tác giả hy vọng làm phong phú về cơ sở lý luận, hoàn thiện các quy định pháp luật, thực tiễn thực thi về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng HĐTM.

### **2.2. Nhiệm vụ đề tài**

Làm sáng tỏ những vấn đề: Khái niệm và đặc điểm về trách nhiệm do vi phạm HĐTM, các loại vi phạm HĐTM; Làm rõ căn cứ xác định trách nhiệm do vi phạm hợp đồng; Các biện pháp trách nhiệm; Các hình thức miễn trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng. Nghiên cứu thực trạng pháp luật, thực tiễn áp dụng pháp luật về trách nhiệm do vi phạm HĐTM ở Việt Nam, cụ thể nghiên cứu về mối quan hệ giữa LTM 2005 và các văn bản pháp luật có liên quan,

những nội dung chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập của quy định trách nhiệm do vi phạm HĐTM, đánh giá thực trạng quy định về trách nhiệm hợp đồng. Từ đó, tác giả đưa ra định hướng sửa đổi, bổ sung những quy định của các văn bản pháp luật về trách nhiệm HĐTM của Việt Nam.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Nghiên cứu các tư liệu có liên quan đến trách nhiệm do vi phạm HĐTM, lý luận về trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại, các quy định pháp luật của Việt Nam về trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại, nghiên cứu các giải pháp hoàn thiện về nội dung của đề tài. Ngoài ra, còn có các văn kiện của Đảng và Nhà nước liên quan đến trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại; các báo cáo tổng kết của TANDTC; Thực tiễn giải quyết các vụ tranh chấp do vi phạm hợp đồng thương mại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

*Về mặt nội dung:* (i) Nghiên cứu trách nhiệm do vi phạm HĐTM trên nền tảng quy định về hợp đồng dân sự (ii) đề tài nghiên cứu các loại trách nhiệm do vi phạm HĐTM khi hợp đồng được ký kết một cách hợp pháp, có hiệu lực pháp luật. *Về không gian:* Tác giả nghiên cứu thực trạng giải quyết tranh chấp về HĐTM tại tòa án Việt Nam. *Về mặt thời gian:* Tác giả nghiên cứu những bản án được cơ quan có thẩm quyền xét xử từ năm 2006 đến nay.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước ta

trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, tác giả tập trung sử dụng một số phương pháp chủ yếu: phương pháp thống kê, tổng hợp, phân tích, phương pháp so sánh giữa các công trình nghiên cứu những nội dung có liên quan đến vấn đề trách nhiệm do vi phạm HĐTM.

## **5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của đề tài**

*Một là*, tác giả làm rõ khái niệm, đặc điểm của HĐTM, vi phạm nghiêm trọng, vi phạm trước thời hạn, vi phạm hợp đồng do bên thứ ba vi phạm. Bổ sung thông báo, khiếu nại trong thương mại, thời hiệu khởi kiện là căn cứ để xác định trách nhiệm do vi phạm HĐTM. *Hai là*, tác giả xây dựng khái niệm trách nhiệm do vi phạm HĐTM, phân tích đặc điểm riêng của trách nhiệm do vi phạm HĐTM. *Ba là*, tác giả đều chỉ ra những điểm bất cập của pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng và từ đó đưa ra những kiến nghị hoàn thiện pháp luật về quy định trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại. *Bốn là*, phân tích thực tiễn áp dụng các quy định về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

Nghiên cứu này của đề tài góp phần tăng cường hiệu quả trong việc điều chỉnh chế định về trách nhiệm do vi phạm HĐTM trong giai đoạn tự do hóa hoạt động kinh doanh trong xu hướng hội nhập với khu vực và thế giới. Kết quả nghiên cứu đề tài cũng có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo hữu ích cho việc nghiên cứu về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, cho việc học tập, giảng dạy và áp dụng pháp luật.

## **7. Kết cấu của đề tài**

Luận án bao gồm phần mở đầu, nội dung luận án bao gồm 4 chương, kết luận, phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo.

## **Chương 1**

### **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

#### **1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu về trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại**

Tác giả tổng quan các công trình nhằm (i) tránh trùng lặp (ii) kế thừa, (iii) hoàn thiện đề tài và thống kê theo hai nhóm công trình trong nước và công trình nước ngoài.

##### **1.1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước**

Sắp xếp theo nội dung vấn đề nghiên cứu của đề tài, tác giả chỉ ra các nhóm công trình sau:

**Nhóm công trình nghiên cứu về vi phạm, các loại vi phạm hợp đồng:** Nguyễn Ngọc Khánh nghiên cứu về vi phạm hợp đồng của Đức, Pháp, Anh – Mỹ, CUV 1980, Việt Nam và cho rằng Việt Nam cần tiếp thu vi phạm trước thời hạn. Đỗ Văn Đại nghiên cứu về vi phạm hợp đồng của Việt Nam và cho rằng nên sử dụng thuật ngữ không thực hiện đúng hợp đồng và vi phạm nghiêm trọng. Võ Sỹ Mạnh cho rằng cần sử dụng án lệ để xác định vi phạm cơ bản. Dương Anh Sơn cho rằng cần quy định vi phạm trước thời hạn vào luật thực định của Việt Nam.

**Nhóm công trình nghiên cứu về căn cứ xác định trách nhiệm do vi phạm hợp đồng:** Nguyễn Văn Luyện, Lê Thị Bích Thọ, Dương Anh Sơn, Phan Huy Hồng cho rằng lỗi không là căn cứ bắt buộc để xác định trách nhiệm do vi phạm HĐTM. Ông Nguyễn Ngọc Khánh, Trương Văn Dũng, Nguyễn Thị Dung, Phạm Kim Anh cho rằng lỗi là

căn cứ bắt buộc để xác định trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, nhưng ông Khánh, bà Kim Anh xác định phải xem xét lỗi theo sự miễn giảm của một chủ thể mà không phải là thái độ chủ quan. Bà Dung cho rằng mức độ lỗi không là căn cứ để xem xét mức BTTH.

**Nhóm công trình nghiên cứu về trách nhiệm, các biện pháp trách**

**nhiệm do vi phạm hợp đồng:** Nguyễn Thị Dung, Trương Văn Dũng sử dụng thuật ngữ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng và nghiên cứu các biện pháp trách nhiệm như buộc thực hiện đúng hợp đồng, tạm ngừng thực hiện hợp đồng, phạt vi phạm, BTTH và hủy hợp đồng và cho rằng biện pháp phạt vi phạm không nên giới hạn mức độ phạt, xác định bồi thường về tinh thần. Ông Nguyễn Ngọc Khánh phân tích hai biện pháp phạt vi phạm, BTTH, ông cho rằng không nên quy định về phạt vi phạm mà xác định như một nội dung trong hợp đồng. Đỗ Văn Đại sử dụng thuật ngữ biện pháp xử lý do không thực hiện đúng hợp đồng và phân tích các biện pháp quy định trong BLDS 2005 nhưng tiếp cận theo cách cả hai bên vi phạm và bên bị vi phạm được áp dụng trách nhiệm, ngoài ra còn đưa ra một số biện pháp khác như cầm giữ, thực hiện thay thế, giảm giá. Ông đề xuất bỏ biện pháp đơn phương đình chỉ hợp đồng. Ông còn cho rằng cần áp dụng án lệ để xét xử. Và BTTH cần xác định chi phí luật sư là thiệt hại cần phải bồi thường. Và nếu đã xác định mức độ BTTH ấn định thì không xem xét BTTH trên thực tế

**Các công trình nghiên cứu về trường hợp miễn, giảm trách**

**nhiệm do vi phạm hợp đồng:** Bà Nguyễn Thị Dung, Trương Văn Dũng phân tích các trường hợp miễn trách nhiệm chủ yếu hai trường hợp SKBKK, do các bên thỏa thuận, ông Dũng còn nêu miễn trách nhiệm do bên thứ ba gặp SKBKK và hoàn cảnh khó khăn. Nguyễn



Ngọc Khánh phân tích miễn trách nhiệm do SKBKK, khó khăn đặc biệt về kinh tế. Và phân biệt trở ngại khách quan và hoàn cảnh khó khăn về kinh tế. Đỗ Văn Đại phân tích trường hợp giảm trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Tác giả Lê Nết cho rằng nếu các bên trong hợp đồng có thỏa thuận vẫn chịu trách nhiệm khi miễn trách nhiệm thì không được công nhận sự thỏa thuận đó.

### **1.1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu nước ngoài**

**Nhóm công trình nghiên cứu về vi phạm, các loại vi phạm hợp đồng:** Cheong May Fong cho rằng có các loại vi phạm như từ chối thực hiện và không thể thực hiện, vi phạm cơ bản, vi phạm trước thời hạn. Vương Lợi Minh nghiên cứu vi phạm do các bên trong hợp đồng cùng vi phạm. Ông Brendan Sweeney, John D.Calamari and Joseph M. Perillo, Roy Goode cho rằng dù gây thiệt hại nặng cho một bên, nhưng bên này đã cố gắng hết mọi khả năng với sự thiện chí thì vẫn xác định đó là vi phạm thứ yếu. Pauline Rémy –Corlay, Stefan Grundmann, Martin Schauer cho rằng nên quy định một khái niệm vi phạm hợp đồng chính thức trong pháp luật hợp đồng châu Âu.

**Nhóm công trình nghiên cứu về căn cứ áp dụng trách nhiệm do vi phạm hợp đồng:** Cheong May Fong, Nigel Savage and Robert Bradgate, Gerald Paul Mcalinn, Roy Goode, Nigel Savage, Pauline Rémy –Corlay, Stefan Grundmann xác định căn cứ áp dụng trách nhiệm là có vi phạm, thiệt hại, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại, thông báo, khiếu nại và lỗi không là căn cứ bắt buộc. Brendan Sweeney and Jenifer O Reilly cho rằng lỗi vẫn là căn cứ để xem xét khi áp dụng trách nhiệm hủy hợp đồng.

**Nhóm công trình nghiên cứu về trách nhiệm, các biện pháp trách nhiệm do vi phạm hợp đồng:** Cheong May Fong, Jane P.Mallor,

A.Jame Bardes, Thomas Bowers, Michael J, Braginskii Comm, Christopher Osakwe, Brendan Sweeney, Jenifer O'reilly ngoài những biện pháp trách nhiệm như buộc thực hiện hợp đồng, BTTH, hủy hợp đồng thì các lệnh của tòa án đều là các biện pháp trách nhiệm, ngay cả biện pháp thi hành án.

**Nhóm công trình nghiên cứu về miễn trách nhiệm do vi phạm hợp Đồng:** Chritoph Brunner, John D.Calamari and Joseph M. Perillo, Christopher Osakwe nghiên cứu về SKBKK, khó khăn về kinh tế (hoàn cảnh khó khăn) và phân biệt giữa khó khăn về kinh tế và trở ngại khách quan.

### **1.1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu về trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại**

- **Đánh giá tình nghiên cứu trong và ngoài nước:** *Thứ nhất*, về vi phạm, các loại vi phạm hợp đồng: Các công trình trong nước khẳng định vi phạm cơ bản rất khó áp dụng vào thực tiễn, nên sử dụng vi phạm nghiêm trọng và bổ sung vi phạm trước thời hạn. Còn các nước theo hệ thống thông luật không quan trọng việc phân loại nhưng xác định vi phạm chủ yếu hợp đồng để tránh tùy tiện khi áp dụng biện pháp hủy hợp đồng. *Thứ hai*, cả trong và ngoài nước đều xác định ba căn cứ xác định trách nhiệm trong thương mại và bốn căn cứ trong trách nhiệm dân sự. Ngoài ra, nước ngoài còn xem căn cứ thông báo, khiếu nại là tiên quyết để áp dụng trách nhiệm cho bên vi phạm. *Thứ ba*, trong nước giới hạn trách nhiệm đến khi tòa án, trọng tài đưa ra bản án có hiệu lực, còn nước ngoài xác định trách nhiệm của bên vi phạm từ khi vi phạm đến khi bên bị vi phạm nhận lại lợi ích đã mất do vi phạm gây ra. *Thứ tư*, cả trong và ngoài nước đều xác định các

trường hợp miễn, giảm trách nhiệm giống nhau, nhưng chưa phân định giữa miễn, giảm trách nhiệm và không chịu trách nhiệm.

**- Những vấn đề đặt ra nghiên cứu trong luận án:** Làm rõ khái niệm, đặc điểm trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại, về vi phạm do các bên đều vi phạm, vi phạm do bên thứ ba vi phạm, vi phạm trước thời hạn, xác định lỗi cố ý là căn cứ để áp dụng hủy hợp đồng. Phân tích căn cứ thông báo, khiếu nại là bắt buộc để xác định trách nhiệm cho bên vi phạm. Mở rộng biện pháp trách nhiệm cầm giữ tài sản, giảm giá và khẩn cấp tạm thời, lệnh cấm hoặc buộc phải thực hiện, ngay cả những biện pháp cưỡng chế thi hành án. Phân biệt phạt vi phạm và BTTH, không nên quy định đình chỉ và hủy hợp đồng. Bổ sung trường hợp miễn trách nhiệm do bên thứ ba gặp SKBKK, do hết thời hiệu khởi kiện, hoàn cảnh khó khăn hoặc trở ngại khách quan. Phân định miễn, giảm trách nhiệm và không chịu trách nhiệm. Nghiên cứu về nhận thức pháp luật, cách áp dụng pháp luật qua việc phân tích các bản án về vấn đề này.

**- Xu hướng nghiên cứu về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại:** đề tài vẫn là chủ đề để giới nghiên cứu luật pháp tiếp tục nghiên cứu trong tương lai vì vẫn còn nhiều quan điểm chưa thống nhất.

## **1.2. Cơ sở lý thuyết, giả thuyết nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu của luận án**

### **1.2.1. Cơ sở lý thuyết của luận án**

Dựa trên lý thuyết về trách nhiệm, trách nhiệm do vi phạm pháp luật để phân tích các đặc điểm của trách nhiệm do vi phạm HĐTM.

### **1.2.2. Giả thuyết nghiên cứu của luận án**

Lý luận, quy định của luật thực định, thực thi pháp luật về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại chưa hoàn thiện để điều chỉnh quan hệ xã hội hiện nay. Nhận thức pháp luật của các chủ thể tham gia, chủ thể áp dụng về nội dung này chưa hoàn toàn đúng.

### **1.2.3. Câu hỏi nghiên cứu của luận án**

Tại sao phải tiếp tục nghiên cứu về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại?. Giải pháp nào để hoàn thiện lý luận, pháp luật, thực trạng về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại?

### **Kết luận chương 1**

Tổng quan một số công trình trong và ngoài nước, đánh giá thực trạng, xu hướng nghiên cứu, nêu ra những điểm cần kế thừa và tiếp tục nghiên cứu. Trình bày những lý thuyết, giả thuyết và câu hỏi nghiên cứu luận án

## Chương 2

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI

#### 2.1. Vi phạm hợp đồng thương mại

##### 2.1.1. Khái niệm và đặc trưng về vi phạm hợp đồng thương mại

Vi phạm hợp đồng đã được diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng các cách diễn đạt này chưa mô tả đúng bản chất của chúng, vậy theo tác giả *vi phạm HĐTM là việc thương nhân thực hiện hành vi trái với cam kết, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của thương nhân còn lại trong HĐTM, theo đó thương nhân có hành vi vi phạm sẽ phải chịu áp dụng các biện pháp trách nhiệm trong thương mại tương ứng*. Vi phạm HĐTM có những đặc điểm chung của vi phạm hợp đồng nhưng khác ở chủ thể, đối tượng, mục đích, hậu quả, pháp luật điều chỉnh vi phạm. Về chủ thể là các thương nhân, đối tượng là hoạt động thương mại. Mục đích vi phạm của thương nhân vi phạm là tối đa hóa lợi nhuận mang tính tiêu cực. Pháp luật để điều chỉnh về vi phạm HĐTM là pháp luật thương mại.

##### 2.1.2. Các loại vi phạm hợp đồng thương mại

Có các quan điểm phân loại khác nhau như vi phạm không cơ bản, vi phạm cơ bản; vi phạm hợp đồng trước thời hạn và vi phạm cơ bản; vi phạm thực tế, vi phạm trước thời hạn; vi phạm khi đến thời hạn thực hiện hợp đồng, vi phạm cơ bản và vi phạm không cơ bản, vi phạm do các bên trong hợp đồng gây ra, vi phạm do bên thứ ba gây ra; vi phạm nghiêm trọng; vi phạm các điều khoản chủ yếu, vi phạm các điều khoản thứ yếu. Khó đưa ra khái niệm về vi phạm cơ bản hoặc vi phạm nghiêm trọng để dễ dàng áp dụng vào thực tiễn mà cần áp dụng án lệ để xác định các loại vi phạm này. Vi phạm trước thời

hạn là vi phạm hợp đồng mà khi chưa đến hạn thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, bất kỳ ai cũng sẽ nhận thấy rằng hợp đồng sẽ không thể thực hiện được và sẽ dẫn đến sự vi phạm hợp đồng. Mục đích của việc xác định vi phạm trước thời hạn là nhằm giảm chi phí, thời gian không cần thiết cho các bên trong hợp đồng khi phải chờ đến hạn thì mới xác định vi phạm hợp đồng. Hậu quả của xác định vi phạm trước thời hạn là hợp đồng sẽ chấm dứt vi phạm hợp đồng. Vi phạm do hai hoặc các bên trong hợp đồng đều có vi phạm và mỗi bên vi phạm sẽ chịu áp dụng biện pháp trách nhiệm tương ứng, nhưng nếu bên nào có hành vi vi phạm nghiêm trọng hơn thì bên vi phạm ít nghiêm trọng được quyền ưu tiên lựa chọn biện pháp trách nhiệm áp dụng cho bên còn lại. Ngoài ra, vi phạm của một bên do sự vi phạm của bên thứ ba, là sự vi phạm hợp đồng của một bên, do hành vi vi phạm của bên thứ ba gián tiếp gây ra hành vi vi phạm này, bên thứ ba là chủ thể ngoài quan hệ hợp đồng đang bị vi phạm, khi hợp đồng bị vi phạm do sự vi phạm của bên thứ ba đối với bên vi phạm, thì bên vi phạm vẫn phải chịu trách nhiệm. Xác định các loại vi phạm nhằm áp dụng chính xác các biện pháp trách nhiệm. Nhưng các nhà nghiên cứu lý luận tại các nước theo hệ thống thông luật không quan trọng việc phân định này, vì việc xác định này sẽ do cơ quan giải quyết tranh chấp xác định theo án lệ. Các nước không áp dụng án lệ chỉ căn cứ vào luật bất thành văn thì các nhà nghiên cứu lý luận muốn phân định rõ từng loại vi phạm, quy định chi tiết trong văn bản luật.

## **2.2. Trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại**

### **2.2.1. Khái niệm, đặc trưng của trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại**

Trách nhiệm do vi phạm HĐTM là một loại trách nhiệm trong trách nhiệm dân sự. Ngoài ra chúng có những đặc trưng riêng biệt như áp dụng cho thương nhân có vi phạm, bảo vệ thương nhân bị vi phạm, hậu quả mà thương nhân vi phạm chịu không phải là hậu quả bất lợi, mục đích là nhằm tìm kiếm tối đa lợi nhuận, vì vậy cần phải áp dụng biện pháp trách nhiệm ở mức độ cao nhất về tài chính, chủ thể áp dụng là tòa kinh tế hoặc trọng tài thương mại, trách nhiệm do vi phạm HĐTM được thực thi thông qua một hệ thống các biện pháp trách nhiệm được quy định trong phần chế tài của bộ phận quy phạm pháp luật trong LTM. Tác giả đưa ra khái niệm trách nhiệm do vi phạm HĐTM như sau: *Trách nhiệm do vi phạm HĐTM là hậu quả mà bên vi phạm HĐTM phải gánh chịu, tòa án có thẩm quyền xác định các biện pháp trách nhiệm tương ứng với hành vi vi phạm khi bên bị vi phạm yêu cầu, trừ trường hợp bên vi phạm không phải chịu trách nhiệm hoặc được miễn trách nhiệm*

### **2.2.2. Căn cứ áp dụng trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại**

Căn cứ để xác định trách nhiệm: Có vi phạm ,thiệt hại, mối quan hệ giữa hành vi vi phạm và thiệt hại. Theo quan điểm của tác giả, không nên quy định là thiệt hại thực tế chỉ cần căn cứ có thiệt hại xảy ra là đủ. Lỗi có thể là căn cứ hoặc không là căn cứ để xác định trách nhiệm do vi phạm HĐTM. Tác giả đồng ý với quan điểm không xem lỗi là yếu tố bắt buộc nhưng cần phải nhìn nhận lỗi cố ý vào trong LTM năm 2005 để xem xét nhằm tăng nặng trách nhiệm như một biện pháp trừng phạt, khắc phục tình trạng lợi dụng sự vi phạm hợp đồng trong quan hệ thương mại để thực hiện hành vi tương tự hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như trong pháp luật hình sự. Có nhiều

quan điểm khác nhau về căn cứ thông báo, khiếu nại có là căn cứ bắt buộc khi xác định trách nhiệm, tuy nhiên theo quan điểm của tác giả, để các bên trong hợp đồng luôn quan tâm đến việc kinh doanh của mình cần quy định đây là những căn cứ bắt buộc khi xác định trách nhiệm.

### **2.3. Biện pháp trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại**

Trách nhiệm do vi phạm HĐTM không phải bao giờ cũng mang tính cưỡng chế từ cơ quan nhà nước. Và biện pháp này không chỉ giới hạn trong giai đoạn xét xử mà bao gồm cả những biện pháp được thực hiện sau khi bản án có hiệu lực.

#### **2.3.1. Các biện pháp trách nhiệm nhằm duy trì hợp đồng**

Nhóm biện pháp trách nhiệm không làm hợp đồng chấm dứt không đồng thời áp dụng với nhóm biện pháp làm chấm hợp đồng, bao gồm buộc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, tạm ngừng thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Căn cứ để áp dụng nhóm biện pháp duy trì hợp đồng là có vi phạm hợp đồng mà không cần xác định loại vi phạm. Tác giả đồng ý với quan điểm là căn cứ thông báo và khiếu nại có thể được áp dụng khi xác định biện pháp này. Về thời điểm chấm dứt áp dụng nhóm trách nhiệm này là bên vi phạm đã thực hiện những nghĩa vụ hợp đồng mà đã cam kết với bên vi phạm. Tóm lại, khi áp dụng các biện pháp trách nhiệm nhằm duy trì hợp đồng, bên bị vi phạm không có được sự lựa chọn giữa nhóm nhằm duy trì hợp đồng hoặc nhóm biện pháp làm chấm dứt hợp đồng. Mà bên bị vi phạm phải chọn nhóm biện pháp này trước, nếu sau đó bên vi phạm vẫn không thực hiện theo yêu cầu thì bên bị vi phạm mới được chuyển sang việc áp dụng nhóm biện pháp trách nhiệm chấm dứt hợp đồng. Việc này



đồng nghĩa với việc luật pháp không cho phép bên bị vi phạm tự ý tăng nặng biện pháp trách nhiệm cho bên vi phạm.

### **2.3.2. Các biện pháp trách nhiệm làm chấm dứt hợp đồng**

Nhóm trách nhiệm làm cho hợp đồng bị chấm dứt, không đạt được mục đích của hợp đồng, mặc dù không duy trì hợp đồng nhưng nhóm biện pháp này là biện pháp hữu hiệu khi hợp đồng không thể thực hiện được hoặc cố gắng thực hiện thì sẽ gây ra nhiều tổn thất hơn cho các bên. Với nhóm biện pháp này theo quan điểm của các nước trên thế giới chỉ có một biện pháp là hủy hợp đồng. Trong lý luận pháp lý của Việt Nam chia ra thành hai biện pháp là hủy hợp đồng và đình chỉ thực hiện hợp đồng. Theo tác giả nên xác định một biện pháp hủy hợp đồng là đủ nhưng chia ra thành hủy một phần và hủy toàn bộ hợp đồng.

### **2.3.3. Các biện pháp trách nhiệm mang tính bồi thường và bù đắp thiệt hại hợp đồng**

Trách nhiệm mà bên bị vi phạm áp dụng cho bên vi phạm nhằm bồi thường, khôi phục và bù đắp những thiệt hại mà bên vi phạm đã gây ra bao gồm BTTH, phạt vi phạm, phạt lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù phạt vi phạm hoặc phạt lãi là biện pháp mang thuật ngữ “*phạt*” nhưng không mang ý nghĩa trừng phạt mà chỉ là bù đắp những tổn thất do hành vi vi phạm gây ra, bản chất của nó không mang tính trừng phạt nhằm để trục lợi từ sự vi phạm của một bên, mà chỉ là bù đắp mang tính công bằng. Tuy các biện pháp này cùng có chung chức năng hoặc mục đích nhưng mỗi biện pháp đều có căn cứ, cách áp dụng khác nhau. Nếu áp dụng BTTH thì phải có vi phạm và có thiệt hại mà không nhất thiết phải thỏa thuận trước, còn phạt lãi thì phải có vi phạm về thời hạn thanh toán, mức lãi có

thể thỏa thuận hoặc không cần thỏa thuận, phạt vi phạm thì nhất thiết phải có sự thỏa thuận. Theo quan điểm của tác giả, cần để các bên thỏa thuận về phạt vi phạm như một nội dung trong hợp đồng và cho các bên được thỏa thuận bồi thường ấn định, mức bồi thường nhưng nếu đã thỏa thuận bồi thường ấn định thì không xem xét bồi thường thiệt hại thực tế, còn nếu không thỏa thuận bồi thường ấn định thì xem xét bồi thường thực tế.

#### **2.3.4. Trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng có liên quan đến bên thứ ba**

Áp dụng các biện pháp trách nhiệm do bên thứ ba vi phạm với một bên trong hợp đồng, mặc dù có ảnh hưởng đến việc duy trì hoặc chấm dứt quan hệ hợp đồng nhưng bên vi phạm phải chịu trách nhiệm trước bên bị vi phạm và sau đó bên vi phạm sẽ áp dụng trách nhiệm cho bên thứ ba đã vi phạm với mình tương đương với hành vi vi phạm mà bên thứ ba đã gây ra. Tuy nhiên, nếu bên thứ ba này không yêu cầu bên vi phạm hợp đồng chịu trách nhiệm đối với mình, thì bên vi phạm hợp đồng với bên thứ ba cũng không được yêu cầu bên vi phạm bồi thường những khoản thiệt hại phát sinh từ bên thứ ba.

#### **2.3.5. Trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại khi các bên đều vi phạm hợp đồng**

Khi các bên trong hợp đồng đều vi phạm, các bên được bù trừ cho nhau về trách nhiệm khi đều có vi phạm, nếu cả hai bên không thống nhất trong cách áp dụng các biện pháp trách nhiệm, thì sẽ quy định vào mức độ vi phạm của hành vi mỗi bên, nếu bên nào có mức độ vi phạm nặng hơn sẽ không được ưu tiên chọn biện pháp trách nhiệm áp dụng.

## **2.4. Phân định trường hợp không chịu trách nhiệm do không thể thực hiện hợp đồng thương mại và miễn, giảm trách nhiệm**

### **2.4.1. Trường hợp không phải chịu trách nhiệm do không thể thực hiện hợp đồng thương mại**

Các trường hợp có sự thỏa thuận trong hợp đồng; Xảy ra SKBKK; do hành vi (lỗi) của bên kia; Do quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà bất kỳ ai cũng không thể biết vào thời điểm giao kết hợp đồng; do bên thứ ba không thể thực hiện hợp đồng với một bên trong hợp đồng do bên thứ ba gặp SKBKK; do hết thời hạn khiếu nại hoặc khởi kiện. Ngoài ra, các trường hợp một bên phải chịu trách nhiệm nhưng được kéo dài thời hạn thực hiện hoặc được thỏa thuận lại nội dung trong hợp đồng đó là gặp phải trở ngại khách quan hoặc hoàn cảnh khó khăn.

### **2.4.1. Trường hợp miễn, giảm trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại**

Bên vi phạm vi phạm HĐTM nhưng bên bị vi phạm miễn hoàn toàn hoặc giảm một phần trách nhiệm.

### **Kết luận chương 2**

Đưa ra khái niệm vi phạm hợp đồng, phân tích thêm vi phạm do bên thứ ba vi phạm, vi phạm do các bên vi phạm, vi phạm trước thời hạn. Khái niệm trách nhiệm, bổ sung căn cứ thông báo, khiếu nại vào việc xác định trách nhiệm. Bổ sung biện pháp giảm giá, cầm giữ tài sản, yêu cầu thực hiện công việc. Phân biệt về BTTH, phạt vi phạm, phạt lãi. Phân tích trường hợp miễn trách nhiệm do lỗi của bên bị vi phạm, phân định không chịu trách nhiệm và miễn, giảm trách nhiệm.

### **Chương 3**

## **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM**

### **3.1. Thực trạng pháp luật về trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại**

#### **3.1.1. Quy định pháp luật về vi phạm hợp đồng thương mại**

LTM 2005 có quy định khái niệm vi phạm HĐTM nhưng chưa phù hợp với quốc tế, có phân loại vi phạm nhưng chưa đầy đủ còn thiếu vi phạm trước thời hạn, vi phạm do bên thứ ba vi phạm, vi phạm do các bên đều vi phạm.

#### **3.1.2. Quy định pháp luật về trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại**

Căn cứ xác định trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại

Các biện pháp trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại: Buộc thực hiện đúng hợp đồng; Tạm ngừng thực hiện hợp đồng; Đình chỉ thực hiện hợp đồng thương mại; Hủy hợp đồng do vi phạm hợp đồng thương mại ; Phạt vi phạm; Bồi thường thiệt hại; Phạt lãi:

#### **3.1.3. Quy định pháp luật về miễn trừ trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại**

Miễn trừ trách nhiệm do sự kiện bất khả kháng; Miễn trừ trách nhiệm do lỗi của bên bị vi phạm; Miễn trách nhiệm do quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Miễn, giảm trách nhiệm do có sự thỏa thuận

### **3.2. Thực tiễn áp dụng trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại tại Việt Nam**

#### **3.2.1. Duy trì hợp đồng và việc áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý**

Trường hợp áp dụng duy nhất biện pháp buộc thực hiện đúng hợp đồng. Trường hợp kết hợp trách nhiệm áp dụng buộc tiếp tục thực hiện hợp đồng với biện pháp khẩn cấp tạm thời, chế tài BTTH hoặc phạt vi phạm. Trường hợp buộc tiếp tục thực hiện hợp đồng kết hợp phạt vi phạm. Buộc thực hiện đúng hợp đồng kết hợp với giảm giá hàng hóa và dịch vụ. Buộc thực hiện đúng nghĩa vụ hợp đồng kết hợp với bồi thường thiệt hại. Tạm ngừng thực hiện hợp đồng nhằm buộc thực hiện đúng nghĩa vụ hợp đồng trong hợp đồng mua bán này cũng áp dụng quyền cầm giữ kết hợp như một biện pháp tạm ngừng thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Tạm ngừng thực hiện hợp đồng, bên bị vi phạm có thể áp dụng kết hợp với các biện pháp khác như phạt vi phạm, BTTH, phạt lãi, giảm giá, cầm giữ tài sản.

### **3.2.2. Không duy trì hợp đồng và việc áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý**

Áp dụng biện pháp chấm dứt hợp đồng kết hợp với phạt vi phạm. Áp dụng biện pháp hủy hợp đồng kết hợp với BTTH, phạt vi phạm. Áp dụng biện pháp hủy hợp đồng kết hợp phạt vi phạm, BTTH. Các chủ thể và tòa án giải quyết vụ việc chưa phân định rõ giữa biện pháp chấm dứt, đình chỉ và hủy hợp đồng. Áp dụng trách nhiệm hủy hợp đồng kết hợp với biện pháp BTTH, phạt vi phạm nhưng không áp dụng các biện pháp trách nhiệm như giảm giá, cầm giữ tài sản, phạt lãi. Tòa án chưa phân định được sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh khó khăn hoặc trở ngại khách quan trong các vụ án. Chưa xác định được việc bên vi phạm được miễn trách nhiệm do có quyết định của cơ quan nhà nước mà các bên không thể biết được vào thời điểm ký kết hợp đồng.

**❖ *Đánh giá chung thực trạng pháp luật về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại:***

**Kết luận chương 3**

Phân tích và so sánh các quy định về vi phạm, các loại vi phạm hợp đồng thương mại, căn cứ xác định trách nhiệm, các biện pháp chế tài, các trường hợp miễn trách nhiệm của LTM 2005 so với quy định của quốc tế. Phân tích các bản án về tranh chấp hợp đồng thương mại cho thấy việc áp dụng sự phù hợp hoặc chưa phù hợp với quy định về vi phạm hợp đồng, các loại vi phạm, căn cứ xác định trách nhiệm, các biện pháp chế tài, trường hợp miễn trách nhiệm của LTM 2005 vào trong thực tiễn xét xử. Từ đó cho thấy nhận thức đúng quy định này của LTM 2005 của các chủ thể tham gia, chủ thể áp dụng pháp luật.

## **Chương 4**

# **ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI**

### **1.1. Những yêu cầu của việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại**

Thứ nhất, do sự bất cập về trách nhiệm do vi phạm HĐTM. Thứ hai, do sự hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Thứ ba, sự cần thiết bảo vệ quyền lợi chính đáng.

### **4.2. Những định hướng cơ bản hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam về trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại**

Thứ nhất, thể chế hóa đầy đủ chính sách của. Thứ hai, phải phù hợp với quốc tế. Thứ ba, cần đảm bảo sự phù hợp với nền kinh tế. Thứ tư, phải tương thích với quy định của BLDS hiện hành. Thứ năm, phải xem xét trên mối quan hệ LTM là luật chung và các văn bản luật chuyên ngành là luật phái sinh. Thứ sáu, cần xem xét toàn diện theo các vấn đề khác.

### **4.3. Các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam về trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại tại LTM năm 2005**

#### **4.3.1. Hoàn thiện các quy định về vi phạm hợp đồng thương mại**

Tiếp tục ghi nhận thuật ngữ vi phạm hợp đồng thương mại nhưng cần phải sửa đổi khoản 12 Điều 3 LTM 2005. Khoản 13 Điều 3 LTM 2005 cần sử dụng thuật ngữ vi phạm nghiêm trọng thay cho thuật ngữ vi phạm cơ bản. Ngoài ra, để phù hợp với quy định về các loại vi phạm hợp đồng, LTM 2005 cần quy định về vi phạm trước

thời hạn, vi phạm do bên thứ ba vi phạm, vi phạm do các bên trong hợp đồng đều vi phạm.

#### **4.3.2. Hoàn thiện căn cứ xác định trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại**

Căn cứ xác định trách nhiệm trong LTM 2005 cần quy định lỗi cố ý sẽ bị xem là vi phạm nghiêm trọng. Căn cứ thông báo, khiếu nại cần đưa vào LTM 2005 như một điều kiện để xác định trách nhiệm do vi phạm HĐTM

#### **4.3.3. Hoàn thiện quy định về biện pháp trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại.**

Theo quan điểm của tác giả cần sửa tên chương VII và Mục 1 LTM 2005 thành “*trách nhiệm do vi phạm HĐTM*”.

**Buộc thực hiện đúng hợp đồng:** Tác giả đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 297 LTM 2005. Khoản 3 Điều 297 LTM năm 2005 cần tách ra thành điều khoản riêng đó là biện pháp trách nhiệm thay thế thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Khoản 4 Điều 297 LTM 2005 cần bỏ. Khoản 5 Điều 297 LTM 2005 cần phải tách riêng ra thành một điều luật để phù hợp hơn với thực tiễn áp dụng, đó là điều luật về buộc thực hiện trách nhiệm thanh toán. Ngoài ra, sửa khoản 1 Điều 299 LTM 2005 .Vì tên chương thay đổi nên Điều 299 LTM 2005 cần đổi tên cho hợp lý .Chúng ta có thể quy định một điều luật về trách nhiệm giảm giá hàng hóa, dịch vụ .

**Phạt vi phạm:** bỏ quy định này và cho các bên tự thỏa thuận như nội dung trong hợp đồng.

**Buộc BTTH do vi phạm hợp đồng:** Tác giả kiến nghị sửa theo hướng như sau: Khoản 1 Điều 302. Khoản 2 Điều 302. Với Điều 304 nghĩa vụ chứng minh tổn thất cần bãi bỏ. Điều 303 LTM 2005 cần



quy định trước Điều 292 LTM 2005 căn cứ xác định trách nhiệm do vi phạm HĐTM .

***Trả lãi do chậm thanh toán:*** sửa Điều 306 LTM 2005 quy định

***Tạm ngừng thực hiện hợp đồng:*** Cần sửa đổi Điều 308, 309 về biện pháp trách nhiệm này trong LTM

***Đình chỉ thực hiện hợp đồng:*** tác giả đề xuất bãi bỏ biện pháp đình chỉ thực hiện hợp đồng trong LTM 2005.

***Hủy hợp đồng:*** sửa Điều 312 LTM 2005. Bỏ điều 313 LTM 2005. Và kết cấu lại Điều 314 về hậu quả của việc áp dụng biện pháp trách nhiệm hủy bỏ hợp đồng do vi phạm hợp đồng.

#### **4.3.4. Hoàn thiện quy định về không chịu trách nhiệm do không thể thực hiện hợp đồng và miễn, giảm trách nhiệm**

***Không chịu trách nhiệm do không thể thực hiện hợp đồng:*** sửa Điều 294 LTM 2005 theo hướng không chịu trách nhiệm và được kéo dài thời gian hoặc sửa lại nội dung hợp đồng theo trường hợp trở ngại khách quan và hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

***Miễn, giảm trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại:*** Bổ sung nội dung miễn, giảm trách nhiệm vào trong LTM 2005.

### **Kết luận chương 4**

Những yêu cầu, giải pháp cơ bản, giải pháp cụ thể cho cơ chế thực thi, quy định pháp luật về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại của LTM 2005 và BLDS 2015 và văn bản pháp luật có liên quan.

### **KẾT LUẬN**

Thông kê các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài. Tìm ra các điểm cần kế thừa, tiếp tục nghiên cứu những nội dung chưa thống nhất quan điểm. Nghiên cứu bổ sung những lý luận mới nhằm có cách hiểu đúng về mặt khoa học pháp lý

cho một số nội dung cụ thể. Tác giả tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận về vi phạm HĐTM, các loại vi phạm HĐTM, cơ sở xác định trách nhiệm do vi phạm HĐTM, trong đó, làm rõ lý luận về căn cứ thông báo, căn cứ khiếu nại, biện pháp trách nhiệm theo nhóm trách nhiệm duy trì hợp đồng, không duy trì hợp đồng và nhóm biện pháp bù đắp thiệt hại hợp đồng. Phân biệt về miễn trách nhiệm và không chịu trách nhiệm do không thể thực hiện được hợp đồng. Phân tích thực trạng pháp luật và thực thi pháp luật về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại. Đánh giá mức độ phù hợp về thực trạng áp dụng quy định về trách nhiệm do vi phạm HĐTM vào thực tiễn giải quyết tranh chấp do vi phạm HĐTM. Tác giả nêu ra yêu cầu hoàn thiện về trách nhiệm do vi phạm HĐTM. Tác giả đề xuất những giải pháp chung. Giải pháp hoàn thiện về khái niệm vi phạm, bổ sung các loại vi phạm như vi phạm trước thời hạn, vi phạm do các bên trong hợp đồng đều vi phạm, vi phạm do bên thứ ba, vi phạm nghiêm trọng hợp đồng. Bổ sung căn cứ thông báo, căn cứ khiếu nại, khởi kiện. Thêm các biện pháp trách nhiệm như giảm giá, cầm giữ tài sản. Bổ sung các trường hợp không chịu trách nhiệm do không thể nghĩa vụ hợp đồng như do bên thứ ba gặp SKBKK, giảm trách nhiệm khi kéo dài thời gian thực hiện, thỏa thuận lại nội dung trong hợp đồng như hoàn cảnh khó khăn, trở ngại khách quan. Xác định lại trường hợp miễn, giảm trách nhiệm do vi phạm HĐTM.

**CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Lê Thị Tuyết Hà, 2015, “*Bàn về trả tiền lãi chậm thanh toán trong kinh doanh thương mại*”, Tạp chí Kiểm sát, số 17 (Tháng 9/2015), tr.33-35.
2. Lê Thị Tuyết Hà, 2015, “*Vi phạm nghĩa vụ thanh toán - một hình thức chiếm dụng vốn hợp pháp*”, Tạp chí nghiên cứu lý luận, nghiệp vụ, khoa học tội phạm học số 11 (75) tr.24-27